

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2018/QĐST-DS

Mỹ Tho, ngày 19 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 182/2018/TLST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Phạm Văn T1**, sinh năm 1961;

Trú tại: số 126/1 đường L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;

Trú tại: số 19/8A đường Lê Thị H, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: 1. **Phạm Văn T**, sinh năm 1962;

Trú tại: số 129/7 đường L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Phạm Thị L, sinh năm 1964;

Trú tại: số 126/1 đường L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Trương Công T**, sinh năm 1986;

2. **Trần Thị Cẩm T**, sinh năm 1986;

Cùng trú tại: số 126/1 đường L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Trương Công T, sinh năm 2005 và **Trương Công T** sinh năm

2014.

Đại diện theo pháp luật của cháu Trương Công T sinh năm 2005 và cháu Trương Công T sinh năm 2014 là anh Trương Công T.

Cùng trú tại: số 126/1 đường L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. **Vũ Thị P**, sinh năm 1958;

5. **Phạm Thanh N**, sinh năm 1980;

6. **Phạm Thanh H**, sinh năm 1982;

Cùng trú tại: số 132/4A đường L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

7. **Phạm Thanh T**, sinh năm 1983;

Trú tại: số 16/1A đường N, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất:

Bà Phạm Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Văn T1 giá trị 01 kỷ phần thừa kế đối với di sản do cụ Phạm Văn N (chết không rõ ngày tháng năm 2000) và cụ Nguyễn Thị N (chết năm 1976) để lại là nhà và đất tọa lạc tại số 126/1 L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và bà L tự nguyện trả $\frac{1}{2}$ chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp cho ông T1. Chậm nhất đến ngày 09 tháng 5 năm 2019, bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn T1 số tiền là 47.870.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) bao gồm giá trị của 01 kỷ phần thừa kế là 46.020.000 đồng và $\frac{1}{2}$ chi phí đo đạc, định giá là 1.850.000 đồng. Việc trả tiền được thực hiện làm một lần vào ngày 09 tháng 5 năm 2019.

Bà Phạm Thị L được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với phần đất có diện tích là 44 m² thuộc thửa số 577, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại số 126/1 L, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Phần đất trên có tứ cận như sau:

Bắc giáp Phòng Thanh V có số đo 1,80 m; 0,20 m và 5,18 m; Giáp với quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H (ký hiệu T-1) 7,40 m và 0,96 m; Toàn bộ cạnh phía Bắc đều là tường chung.

Nam giáp đường hẻm công cộng có số đo là 3,20 m; 1,25 m và 11,15 m.

Đông giáp với đường hẻm công cộng có số đo là 2,76 m.

Tây giáp với đường hầm công cộng có số đo là 4,55 m.

(Có sơ đồ đất kèm theo)

Kể từ ngày ông Phạm Văn T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị L không thi hành thì bà L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Phạm Văn T1 phải chịu 1.196.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000 đồng theo biên lai thu số 0012746 ngày 21/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang nên ông T1 được hoàn lại 678.250 đồng (Sáu trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Bà Phạm Thị L phải chịu 3.451.500 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THA.DS Tp Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

MAI THỊ MỸ TRANG

